

Bản án số: 07/2019/DS-ST

Ngày 04/6/2019

“V/v tranh chấp chia di sản thừa kế”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ AN KHÊ - TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đồng Ánh Đông.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Thảo và bà Trần Thị Kia.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã An Khê.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã An Khê tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chung, Kiểm sát viên.

Ngày 04/6/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 90/2018/TLST-DS ngày 29/10/2018 về việc *“Tranh chấp chia di sản thừa kế”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2019/QĐXXST-DS ngày 25/4/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2019/QĐST-DS ngày 14/5/2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Đặng Phương B, sinh năm 1973; địa chỉ: Thôn AĐN, xã CA, thị xã AK, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Đặng Thị Y, sinh năm 1951; địa chỉ: Tổ B (nay là Tổ H), phường AT, thị xã AK, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Đặng Văn A, sinh năm 1953; địa chỉ: Tổ M2 (nay là Tổ S), phường AP, thị xã AK, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Bà Đặng Thị N1, sinh năm 1957; địa chỉ: Tổ M3, phường AP, thị xã AK, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Bà Đặng Thị C, sinh năm 1959; địa chỉ: Tổ M2 (nay là Tổ N), phường AP, thị xã AK, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Bà Đặng Thị Ngọc T1, sinh năm 1963; địa chỉ: Tổ M, phường NM, thị xã AK, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Ông Đặng Cường T2, sinh năm 1967; địa chỉ: Tổ C, phường AP, thị xã AK, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

- Ông Đặng Văn D, sinh năm 1969; địa chỉ: Tổ C, phường AP, thị xã AK, tỉnh Gia Lai. Có mặt.
- Ông Đặng Xuân N2, sinh năm 1971; địa chỉ: Thôn AĐN, xã CA, thị xã AK, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.
- Bà Nguyễn Thị Diệu H, sinh năm 1976; địa chỉ: Thôn AĐN, xã CA, thị xã AK, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn ông Đặng Phương B trình bày: Cha mẹ ông là cụ Đặng L (sinh năm 1930, chết năm 2014) và cụ Nguyễn Thị H1 (sinh năm 1930, chết năm 1998) có 09 người con chung gồm: Đặng Thị Y, Đặng Văn A, Đặng Thị N1, Đặng Thị C, Đặng Thị Ngọc T1, Đặng Cường T2, Đặng Văn D, Đặng Xuân N2 và Đặng Phương B. Sau khi cha mẹ chết (không để lại di chúc) có để lại cho các thừa kế là các anh em, tài sản gồm:

- Ngôi nhà 35m² tọa lạc trên mảnh đất có diện tích 1191m², thuộc thửa đất số 14, tờ bản đồ số 21 tại Thôn AĐN, xã CA, thị xã AK, tỉnh Gia Lai, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0989171 do UBND huyện AK (nay là thị xã AK) cấp ngày 22/9/1999.

- Đất nông nghiệp có diện tích 3933m², thuộc thửa đất số 33, tờ bản đồ số 21 tại Thôn AĐN, xã CA, thị xã AK, tỉnh Gia Lai, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0989170 do UBND huyện AK (nay là thị xã AK) cấp ngày 22/9/1999.

Hiện nay các đồng thừa kế có ý định tặng cho phần di sản thừa kế của cha mẹ để lại cho ông, riêng bà Đặng Thị Y không đồng ý. Vì giữa các anh em không có sự thống nhất trong việc thỏa thuận phân chia di sản thừa kế, do đó ông yêu cầu Tòa án giải quyết chia đều di sản thừa kế cho 09 người con, mỗi người được hưởng một phần bằng nhau theo pháp luật về thừa kế.

* Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Văn A và ông Đặng Văn D trình bày: Các ông cùng nhất trí với các di sản thừa kế và hàng thừa kế của cha mẹ là cụ Đặng L và cụ Nguyễn Thị H1 đã chết để lại như Đặng Phương B đã trình bày và đề nghị Tòa án giải quyết phân chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật. Đối với phần di sản mà các anh em được hưởng thì các ông đều tự nguyện tặng cho em là ông Đặng Phương B.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị N1, bà Đặng Thị C, bà Đặng Thị Ngọc T1, ông Đặng Cường T2 và ông Đặng Xuân N2 trình bày: Các ông, bà cùng nhất trí với các di sản thừa kế và hàng thừa kế của cha mẹ là cụ Đặng L và cụ Nguyễn Thị H1 đã chết để lại như ông Đặng Phương B đã trình bày và đề nghị Tòa án giải quyết phân chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật. Đối với phần di sản mà các

anh em được hưởng thì các ông bà đều tự nguyện tặng cho em là ông Đặng Phương B.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Diệu H trình bày: Bà là vợ của ông Đặng Phương B và đồng ý với các ý kiến của ông B, không có yêu cầu gì khác.

* Bị đơn bà Đặng Thị Y mặc dù đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, nhiều lần Tòa án triệu tập đến hòa giải, triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến trình bày về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Đối với di sản thừa kế là do cụ Đặng L và cụ Nguyễn Thị H1 tự khai phá, tạo lập nên, các đồng thừa kế không có ai đóng góp gì vào di sản thừa kế. Giá trị của di sản thừa kế là 227.823.000đ. Các đồng thừa kế gồm: Đặng Văn A, Đặng Thị N1, Đặng Thị C, Đặng Thị Ngọc T1, Đặng Cường T2, Đặng Văn D, Đặng Xuân N2 đều thống nhất tặng cho phần di sản mà họ được hưởng cho ông Đặng Phương B. Như vậy, giá trị di sản được chia cho chín phần bằng nhau là 25.314.000đ. Ông Đặng Phương B có nguyện vọng nhận đất và thanh toán phần di sản bà Đặng Thị Y được hưởng bằng tiền. Bà Đặng Thị Y không có ý kiến nguyện vọng gì. Tuy nhiên, theo truyền thống của người Việt Nam cần chia một phần đất cho bà Y để làm kỷ niệm. Ông Đặng Phương B tự nguyện chịu chi phí xem xét, thẩm định, định giá tài sản và toàn bộ án phí đối với giá trị di sản nên ghi nhận. Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các đương sự, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Vì vậy, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chia di sản thừa kế của cụ Đặng L và cụ Nguyễn Thị H1 cho các thừa kế, ghi nhận sự tự nguyện của các thừa kế ông Đặng Văn A, bà Đặng Thị N1, bà Đặng Thị C, bà Đặng Thị Ngọc T1, ông Đặng Cường T2, ông Đặng Văn D và ông Đặng Xuân N2 cho ông Đặng Phương B phần tài sản mà họ được hưởng. Chia cho bà Đặng Thị Y một phần đất mà bà Y được hưởng cho phù hợp. Ông Đặng Phương B tự nguyện chịu toàn bộ án phí và các chi phí khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Đặng Phương B là con của cụ Đặng L và cụ Nguyễn Thị H1 khởi kiện vụ án dân sự yêu cầu chia di sản thừa kế của cha mẹ để lại gồm nhà và đất tọa lạc tại thôn AĐN, xã CA, thị xã AK, tỉnh Gia Lai. Tòa án nhân dân thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo

quy định tại khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Đặng Thị N1, bà Đặng Thị C, bà Đặng Thị Ngọc T1, ông Đặng Cường T2 và ông Đặng Xuân N2 có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn bà Đặng Thị Y đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227, các khoản 1, 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà Đặng Thị N1, bà Đặng Thị C, bà Đặng Thị Ngọc T1, ông Đặng Cường T2, ông Đặng Xuân N2 và bà Đặng Thị Y.

[2] Về di sản thừa kế: Các đương sự đều thừa nhận di sản của cụ Đặng L và cụ Nguyễn Thị H1 chết để lại gồm: Ngôi nhà 35m² tọa lạc trên mảnh đất có diện tích 1191m², thuộc thửa đất số 14, tờ bản đồ số 21 tại thôn АДN, xã CA, thị xã AK, tỉnh Gia Lai, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0989171 do UBND huyện AK (nay là thị xã AK) cấp ngày 22/9/1999 và đất nông nghiệp có diện tích 3933m², thuộc thửa đất số 33, tờ bản đồ số 21 tại thôn АДN, xã CA, thị xã AK, tỉnh Gia Lai, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0989170 do UBND huyện AK (nay là thị xã AK) cấp ngày 22/9/1999.

[3] Theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản lập ngày 12/3/2019 thì giá trị tài sản cụ thể như sau:

- Thửa đất số 14, tờ bản đồ số 21, diện tích 1191m²: Trong đó đất ở nông thôn 400m² giá trị 115.200.000đ, đất trồng cây lâu năm diện tích 791m² giá trị 11.865.000đ. Tài sản trên đất gồm nhà chính 54,14m² giá trị 29.964.000đ (do cụ Đặng L xây dựng năm 1999), mái hiên 68,32m² giá trị 20.098.000đ và sân xi măng 75,72m² giá trị 3.391.000đ (do ông Đặng Phương B xây dựng năm 2018).

- Thửa đất số 33, tờ bản đồ số 21, đất trồng cây hàng năm khác diện tích 3933m² giá trị 70.794.000đ, trên đất hiện nay ông Đặng Phương B có trồng cây keo không tranh chấp nên không tiến hành định giá.

[4] Tổng giá trị di sản thừa kế mà cụ Đặng L và cụ Nguyễn Thị H1 để lại (sau khi đã trừ đi phần mái hiên và sân xi măng do ông Đặng Phương B xây dựng) là 227.823.000đ (*Hai trăm hai mươi bảy triệu tám trăm hai mươi ba nghìn đồng*). Ông Đặng Phương B không yêu cầu tính công sức quản lý, giữ gìn di sản.

[5] Những người thừa kế theo pháp luật: Cụ Đặng L (chết năm 2014) và cụ Nguyễn Thị H1 (chết năm 1998) có 09 người con chung là: Đặng Thị Y, Đặng Văn A, Đặng Thị N1, Đặng Thị C, Đặng Thị Ngọc T1, Đặng Cường T2, Đặng Văn D, Đặng Xuân N2 và Đặng Phương B. Cha, mẹ của cụ L và cụ H đã chết. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 651 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì bà Đặng Thị Y, ông Đặng Văn A, bà Đặng Thị N1, bà Đặng Thị C, bà Đặng Thị Ngọc T1, ông Đặng Cường T2, ông Đặng Văn D, ông Đặng Xuân N2 và ông Đặng Phương B là những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ L, cụ H1 và được hưởng thừa kế theo pháp luật.

[6] Về phân chia di sản thừa kế: Ông Đặng Văn A, bà Đặng Thị N1, bà Đặng Thị C, bà Đặng Thị Ngọc T1, ông Đặng Cường T2, ông Đặng Văn D, ông Đặng Xuân N2 và ông Đặng Phương B đều thống nhất yêu cầu chia di sản thừa kế làm 09 phần bằng nhau. Như vậy, phần tài sản mà mỗi người thừa kế được hưởng như sau: $227.823.000\text{đ}/9 = 25.314.000\text{đ}$ (*Hai mươi lăm triệu ba trăm mười bốn nghìn đồng*). Các ông Đặng Văn A, bà Đặng Thị N1, bà Đặng Thị C, bà Đặng Thị Ngọc T1, ông Đặng Cường T2, ông Đặng Văn D, ông Đặng Xuân N2 đều thống nhất tặng cho phần tài sản mình được hưởng cho ông Đặng Phương B, ông B đồng ý nhận và tự nguyện chịu án phí theo quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử cần ghi nhận. Riêng bà Đặng Thị Y luôn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và không có ý kiến nguyện vọng về việc phân chia di sản thừa kế. Hội đồng xét xử xét thấy: Diện tích đất và tài sản trên đất mà các bên yêu cầu chia di sản thừa kế, từ lúc cụ Đặng L và cụ Nguyễn Thị H1 chết cho đến nay do ông B quản lý, sử dụng và thờ cúng. Ông B đề nghị được nhận đất và tài sản trên đất, thanh toán giá trị bằng tiền phần bà Đặng Thị Y được hưởng. Các đồng thừa kế khác đều đồng ý tặng cho phần tài sản của mình được hưởng cho ông B nên cần tiếp tục giao cho ông B là phù hợp. Do đó, cần chia cho ông Đặng Phương B được quyền sử dụng diện tích đất là 1191m^2 , thuộc thửa đất số 14, tờ bản đồ số 21 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0989171 do UBND huyện AK (nay là thị xã AK) cấp ngày 22/9/1999 và 3933m^2 đất nông nghiệp, thuộc thửa đất số 33, tờ bản đồ số 21 tại thôn AĐN, xã CA, thị xã AK, tỉnh Gia Lai, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0989170 do UBND huyện AK (nay là thị xã AK) cấp ngày 22/9/1999. Buộc ông B là người được nhận toàn bộ di sản phải thanh toán giá trị phần bà Đặng Thị Y được hưởng với số tiền $25.314.000\text{đ}$ (*Hai mươi lăm triệu ba trăm mười bốn nghìn đồng*). Ông Đặng Phương B là người quản lý, giữ gìn di sản từ lúc cụ L và cụ H1 chết đến nay, nhưng không có yêu cầu tính đến công sức bảo quản, giữ gìn di sản nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về chi phí tố tụng: Ông Đặng Phương B tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định, định giá tài sản và ông B đã nộp đủ chi phí tố tụng nên Hội đồng xét xử không đề cập là phù hợp.

[8] Về án phí: Theo quy định tại điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, thì các đương sự phải chịu án phí tương ứng với giá trị phần tài sản mình được hưởng. Ông Đặng Phương B tự nguyện chịu án phí trên toàn bộ giá trị di sản. Như vậy, ông B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: $227.823.000\text{đ} \times 5\% = 11.391.150\text{đ}$ (*Mười một triệu ba trăm chín mươi một nghìn một trăm năm mươi đồng*). Các đương sự khác không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 157, 165, 266, 273, điểm b khoản 2 Điều 227, các khoản 1, 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tổ tụng dân sự năm 2015; Điều 612, khoản 1 Điều 623, điểm a khoản 1 Điều 651 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 99, 100 của Luật Đất đai năm 2013; điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của ông Đặng Phương B đối với di sản của cụ Đặng L và cụ Nguyễn Thị H1 chết để lại gồm: Đất và nhà ở trên đất đã được UBND huyện AK (nay là thị xã AK) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0989171 ngày 22/9/1999, thuộc thửa đất số 14, tờ bản đồ số 21, diện tích 1191m² tại thôn AĐN, xã CA, thị xã AK, tỉnh Gia Lai và đất nông nghiệp đã được UBND huyện AK (nay là thị xã AK) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0989170 ngày 22/9/1999, thuộc thửa đất số 33, tờ bản đồ số 21, diện tích 3933m² tại thôn AĐN, xã CA, thị xã AK, tỉnh Gia Lai.

- Chia cho bà Đặng Thị Y, ông Đặng Văn A, bà Đặng Thị N1, bà Đặng Thị C, bà Đặng Thị Ngọc T1, ông Đặng Cường T2, ông Đặng Văn D, ông Đặng Xuân N2 và ông Đặng Phương B, mỗi người được nhận 1/9 giá trị phần tài sản thừa kế được hưởng như sau: $227.823.000đ/9 = 25.314.000đ$ (Hai mươi lăm triệu ba trăm mười bốn nghìn đồng).

- Ghi nhận sự tự nguyện của ông Đặng Văn A, bà Đặng Thị N1, bà Đặng Thị C, bà Đặng Thị Ngọc T1, ông Đặng Cường T2, ông Đặng Văn D và ông Đặng Xuân N2 tặng cho phần tài sản mỗi người được hưởng cho ông Đặng Phương B.

- Giao cho ông Đặng Phương B được quyền sử dụng toàn bộ phần đất có diện tích 1191m², thửa đất số 14, tờ bản đồ số 21 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0989171 đã được UBND huyện AK (nay là thị xã AK) cấp ngày 22/9/1999 và được quyền sử dụng toàn bộ phần đất nông nghiệp có diện tích 3933m², thửa đất số 33, tờ bản đồ số 21 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0989170 đã được UBND huyện AK (nay là thị xã AK) cấp ngày 22/9/1999, cùng toàn bộ tài sản gắn liền trên đất tại thôn AĐN, xã CA, thị xã AK, tỉnh Gia Lai. Ông Đặng Phương B được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất theo quy định.

- Buộc ông Đặng Phương B phải thanh toán cho bà Đặng Thị Y số tiền 25.314.000đ (*Hai mươi lăm triệu ba trăm mười bốn nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Ông Đặng Phương B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 11.391.150đ (*Mười một triệu ba trăm chín mươi một nghìn một trăm năm mươi đồng*). Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 277.000đ (*Hai trăm bảy mươi bảy nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0007135 ngày 29/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã AK, tỉnh Gia Lai. Ông Đặng Phương B còn phải nộp số tiền 11.114.150đ (*Mười một triệu một trăm mười bốn nghìn một trăm năm mươi đồng*).

- Bà Đặng Thị Y, ông Đặng Văn A, bà Đặng Thị N1, bà Đặng Thị C, bà Đặng Thị Ngọc T1, ông Đặng Cường T2, ông Đặng Văn D và ông Đặng Xuân N2 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

4. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án 04/6/2019, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Thời hạn trên đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thị xã AK;
- Chi cục THADS TX AK;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)
Đồng Ánh Đông